

# CĂN CỨ VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIỮ NGƯỜI TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

PHẠM NGỌC LONG

Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội

NGUYỄN THỊ MINH KHUÊ

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

DƯƠNG MINH NGHĨA

Vụ Pháp luật, Văn phòng Chủ tịch nước

Nhận bài ngày 27/7/2026. Sửa chữa xong 20/8/2026. Duyệt đăng 25/8/2026.

## Abstract

*Detention in urgent circumstances is a special preventive measure that directly interferes with an individual's right to personal liberty. It is applied to promptly prevent criminal conduct, prevent offenders from fleeing, and prevent the destruction of evidence. The Criminal Procedure Code provides three statutory grounds for the application of this measure. However, the interpretation and practical application of these grounds continue to raise issues that require further clarification, particularly with respect to determining whether a person is preparing to commit a crime and relying on the identification or confirmation of persons who witnessed the criminal act. This article analyzes the legal grounds for applying detention in urgent circumstances and further clarifies the political, legal, and professional requirements that should be observed in its application.*

**Keywords:** Application requirements; detention in urgent circumstances; grounds for application; preventive measures.

## 1. Đặt vấn đề

Giữ người trong trường hợp khẩn cấp là một trường hợp của biện pháp ngăn chặn, do những người có thẩm quyền do luật định áp dụng khi có căn cứ để cho rằng một người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có người chính mắt trông thấy và xác nhận đúng một người đã thực hiện tội phạm mà xét cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn cũng như khi thấy có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ (Phạm Ngọc Long, 2020). Có thể nói, ngay từ trước khi Bộ luật Tố tụng hình sự 2015<sup>1</sup> được ban hành, thì các quy định về biện pháp bắt người nói chung và giữ người trong trường hợp khẩn cấp nói riêng đã có những tác dụng to lớn trong cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm trong một thời gian dài. Việc sử dụng chúng đã góp phần kịp thời ngăn chặn các tội phạm nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm đến tính mạng, tài sản của nhân dân.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Căn cứ áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp

Khoản 1 Điều 110 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)<sup>2</sup> quy định các trường hợp được áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp như sau:

1) Quốc hội (2015). *Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-to-tung-hinh-su-2015-296884.aspx>.

2) Văn phòng Quốc hội (2015). *Văn bản hợp nhất Bộ luật Tố tụng hình sự số 104/VBHN-VPQH*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Van-ban-hop-nhat-104-VBHN-VPQH-2025-Bo-luat-To-tung-hinh-su-672384.aspx>.

Email: minhkhue0803@gmail.com.

- Trường hợp thứ nhất: Khi có căn cứ để cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Đây là trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã có quá trình theo dõi, kiểm tra và xác minh các nguồn tin biết người đó đang bí mật tìm kiếm, chuẩn bị công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện thuận lợi khác để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, nên cần phải giữ người này ngay, trước khi tội phạm được thực hiện. Việc giữ người trong trường hợp này cần có hai căn cứ:

*Thứ nhất, có căn cứ khẳng định một người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm.*

Những căn cứ này, có thể do cơ quan có thẩm quyền trực tiếp xác định được qua việc trinh sát, theo dõi đối tượng hoặc qua việc kiểm tra, xác minh các nguồn tin về tội phạm do quần chúng nhân dân cung cấp, đã khẳng định chắc chắn người đó đang tìm kiếm công cụ, phương tiện hay tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm (như: bàn mưu, lên kế hoạch, xác định thời gian, địa điểm phạm tội).

Chuẩn bị phạm tội là giai đoạn trong đó người phạm tội tạo ra những điều kiện thuận lợi và cần thiết cho việc thực hiện tội phạm nhưng chưa bắt đầu thực hiện hành vi phạm tội đó. Điều 14 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định “chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm, trừ trường hợp thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299”. Như vậy, có thể coi việc chuẩn bị phạm tội là giai đoạn đầu của thực hiện tội phạm, các hành vi chuẩn bị phạm tội chưa gây thiệt hại thực tế nhưng lại chứa đựng nguy cơ gây thiệt hại. Do đó, nó có tính nguy hiểm cho xã hội ở những mức độ nhất định. Việc chuẩn bị thực hiện tội phạm luôn được biểu hiện ra bên ngoài bằng hành vi của đối tượng. Vậy, căn cứ để cho rằng một người (một số người) đang chuẩn bị thực hiện tội phạm phải là những tài liệu để chứng minh việc người đó đang tìm kiếm, sửa soạn các công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm thuận lợi, có hiệu quả, đồng thời che giấu được tội phạm, trốn tránh sự điều tra, phát giác tội phạm của cơ quan có thẩm quyền. Ví dụ: Lôi kéo thêm đồng phạm, vạch kế hoạch, bàn mưu, tính kế, dự kiến các tình huống, khả năng có thể xảy ra, phương án tẩu tán tang vật, tẩu thoát sau khi thực hiện tội phạm.

*Thứ hai, tội phạm đang chuẩn bị thực hiện là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.*

Hiện nay, theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)<sup>3</sup>, tội phạm đã được phân loại thành bốn nhóm tội phạm khác nhau: tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Nếu chỉ mới có căn cứ xác định một người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm thì chưa thể áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp với họ được. Vì áp dụng như vậy là không chính xác và dễ bị lạm dụng để áp dụng tràn lan dẫn đến tình trạng giữ nhưng không xử lý được. Theo quy định tại Điều 110 Bộ luật Tố tụng hình sự, chỉ khi có đủ căn cứ khẳng định hành vi chuẩn bị thực hiện tội phạm đó là hành vi chuẩn bị thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì mới bị giữ khẩn cấp. Thông thường, muốn khẳng định được tội phạm mà người nào đó đang chuẩn bị thực hiện là tội rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng, cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào tính chất quan trọng của khách thể mà tội phạm có thể bị xâm hại như tính mạng, sức khỏe, quyền sở hữu tài sản hay khách thể khác được pháp luật bảo vệ quy định trong các điều khoản cụ thể của phần các tội phạm trong Bộ luật Hình sự với các hành vi và mức hình phạt cụ thể. Ngoài ra còn căn cứ vào tính chất nguy hiểm của công cụ, phương tiện được chuẩn bị - công cụ, phương tiện đó nếu được sử dụng để thực hiện tội phạm đã được chủ định trước thì chắc chắn sẽ gây hậu quả rất lớn hoặc đặc biệt lớn cho đối tượng bị tác động. Ví dụ: người có hành giết người đã chuẩn bị súng, mìn hay lựu đạn nếu không ngăn chặn ngay chắc chắn hậu quả xảy ra sẽ rất lớn.

- Trường hợp thứ hai: Người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn.

3) Văn phòng Quốc hội (2025). Văn bản hợp nhất Bộ luật Hình sự số 135/VBHN-VPQH. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Van-ban-hop-nhat-135-VBHN-VPQH-2025-Bo-luat-Hinh-su-672275.aspx>.

Đây là trường hợp hành vi phạm tội đã được thực hiện, người phạm tội không bị bắt ngay lúc đó, nhưng người bị hại, người cùng thực hiện tội phạm hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt chứng kiến hành vi phạm tội và trực tiếp xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm, xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó bỏ trốn. Muốn giữ khẩn cấp trong trường hợp này cần thỏa mãn hai điều kiện sau:

*Thứ nhất, phải có người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt chứng kiến hành vi phạm tội và trực tiếp xác nhận với cơ quan có thẩm quyền đúng là người đã thực hiện tội phạm.*

Người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm có thể là người bị hại, người làm chứng, hay thậm chí chính là người đã cùng thực hiện hành vi phạm tội, người bị nghi thực hiện tội phạm như người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp hoặc người bị tạm giữ nếu họ trực tiếp chứng kiến hành vi phạm tội. Những người này phải khẳng định một cách chắc chắn về việc mình đã nhìn thấy hành vi phạm tội và người phạm tội trên một số phương diện sau đây: nhìn thấy ở đâu, lúc nào, hành vi phạm tội diễn ra như thế nào, người phạm tội là ai hoặc có đặc điểm nhận dạng ra sao... những kết luận mang tính chất giả định như: “người đó nhìn giống kẻ thực hiện tội phạm” hay “hình như người này, người kia đã thực hiện hành vi phạm tội”... đều không thể sử dụng làm điều kiện, cơ sở áp dụng biện pháp giữ khẩn cấp. Trường hợp người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm nhưng lại không tận mắt chứng kiến hành vi phạm tội hoặc người không có mặt tại nơi xảy ra tội phạm, nhưng được người khác mô tả lại, kể lại diễn biến của hành vi phạm tội, danh tính và đặc điểm của người phạm tội thì lời xác nhận của họ cũng không được coi là điều kiện để giữ khẩn cấp.

Ngoài ra, tại căn cứ này, nhà làm luật còn quy định thêm một chủ thể nữa đó là người cùng thực hiện tội phạm. Những người này có thể cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội và có mặt tại nơi xảy ra tội phạm, nhưng cũng có thể, người này chỉ là đồng phạm mà thôi, họ không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và có mặt tại nơi xảy ra tội phạm, nhưng họ lại biết chính xác người đã thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, nhà làm luật vẫn quy định dù thế nào, muốn sử dụng sự xác nhận của người này làm căn cứ áp dụng giữ người khẩn cấp thì buộc người này phải tận mắt chứng kiến hành vi phạm tội.

*Thứ hai, xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó bỏ trốn.*

Sau khi xác định nguồn tin về người phạm tội là xác thực, việc giữ khẩn cấp chỉ được tiến hành nếu đáp ứng được điều kiện để khẳng định không giữ ngay thì người đó sẽ trốn. Các căn cứ để cho rằng người phạm tội có thể trốn được xác định thông qua hành vi thực tế của họ như: họ đang chạy trốn hoặc chuẩn bị chạy trốn, hay là khả năng có thể lẩn trốn của họ (người đó không có nơi cư trú rõ ràng, có nơi cư trú nhưng lại ở quá xa, là đối tượng lưu manh côn đồ, hung hãn hoặc là những phần tử phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, người có nhiều tiền án tiền sự, người mà lai lịch không rõ ràng, khó xác định về nhân thân của họ...).

Tuy nhiên, cần phải làm rõ một vấn đề như sau: Nên nhận thức thế nào về điều kiện thứ nhất để xác định đây là trường hợp cần áp dụng giữ người khẩn cấp. Về mặt lý luận, khi nghiên cứu vấn đề này, đa số các tác giả đều đi đến thống nhất là phải có người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm, đã chứng kiến hành vi phạm tội và trực tiếp xác nhận trước các cơ quan có thẩm quyền một người nào đó đúng là người đã thực hiện hành vi phạm tội. Bên cạnh sự thừa nhận phạm vi diện đối tượng: “bị hại hoặc người có mặt” là một phạm vi rộng như đã phân tích như trên, một số tác giả còn nêu nhận thức về điều kiện xác định trường hợp khẩn cấp này như sau: đây là trường hợp tội phạm đã xảy ra, người phạm tội không bị bắt ngay lúc đó nên đã bỏ đi nơi khác, người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt trông thấy, khi người phạm tội đang gây án, nay gặp lại nên báo cho cơ quan điều tra biết và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm (Phạm Thanh Bình, Nguyễn Văn Nguyên, 1993, tr. 29; Nguyễn Văn Nguyên, 1995, tr. 73). Theo các tác giả đó, người có mặt và chứng kiến tội phạm phải gặp lại người phạm tội (gặp trực tiếp) và khẳng định trước cơ quan cảnh sát điều tra (với sự có mặt của người mà họ gặp lại) rằng đây chính là người đã thực hiện tội phạm thì mới có thể áp dụng biện

pháp giữ khẩn cấp được. Còn nếu không gặp lại hoặc gặp lại nhưng lại khẳng định họ là người thực hiện tội phạm trước cơ quan cảnh sát điều tra mà lại vắng mặt của họ thì cũng không thể áp dụng giữ khẩn cấp được. Nếu quan niệm như vậy thì rất ít trường hợp có thể áp dụng giữ khẩn cấp theo căn cứ (trường hợp) này. Bởi lẽ, sau khi thực hiện tội phạm, người phạm tội sẽ ngay lập tức tìm đường lẩn trốn, hoặc sẽ chạy trốn hay chỉ ít cũng tìm cách hay thay đổi hình dạng, nằm im, ít xuất hiện... Việc bắt ngờ gặp lại kẻ phạm tội là vô cùng hãn hữu. Hơn nữa, việc điều tra, xử lý tội phạm phải kịp thời, muốn tìm ra kẻ phạm tội các cơ quan chức năng phải tiến hành nhiều hoạt động phức tạp, công phu. Trong thực tiễn nếu máy móc trong việc vận dụng pháp luật hoặc cứng nhắc trong nhận thức các quy định của pháp luật thì dễ dẫn đến thụ động, không kịp thời ngăn chặn được người phạm tội chạy trốn, gây khó khăn cho việc điều tra, khám phá tội phạm. Như vậy, phải xác nhận với sự có mặt của người đó hay không, không phải là điều kiện tiên quyết để giữ khẩn cấp mà quan trọng hơn cả là sự xác nhận đó phải xác thực, các tài liệu thu thập được khi kiểm tra, xác minh về lời xác nhận về kẻ phạm tội đảm bảo độ tin cậy để áp dụng đúng người phạm tội.

- *Trường hợp thứ ba: khi thấy có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.*

Đây là trường hợp tội phạm đã xảy ra song cơ quan có thẩm quyền chưa có đủ chứng cứ để xác định người thực hiện mà mới chỉ có những tài liệu để nghi ngờ một người nào đó là người đã thực hiện tội phạm. Vì vậy, đã tiến hành hoạt động cần thiết để phát hiện, tìm kiếm và thu thập các dấu vết tội phạm tại người hoặc tại chỗ ở của người đó. Việc tìm thấy dấu vết của tội phạm chính là sự khẳng định nghi ngờ của cơ quan có thẩm quyền là đúng. Nếu xét thấy cần ngăn chặn người phạm tội trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ, tài liệu thì quyết định áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Để giữ khẩn cấp trong trường hợp này cần đáp ứng hai điều kiện như sau:

*Thứ nhất, phải tìm thấy dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở của người bị nghi thực hiện tội phạm.*

Các dấu vết của tội phạm thường được tìm thấy thông qua sự phát hiện, tố giác của quần chúng nhân dân, qua các hoạt động khám xét, khám nghiệm, xem xét dấu vết trên thân thể của người có liên quan, qua hoạt động kiểm tra, kiểm soát hành chính... Các dấu vết của tội phạm được tìm thấy bao gồm những vật được sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, tiền bạc, tài sản do hành vi phạm tội mà có, cũng như các vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội, các dấu vết khác như vết dẫm, chém, cào, cắn... trên thân thể của người bị nghi thực hiện tội phạm (xuất hiện trong khoảng thời gian tội phạm được thực hiện). Trường hợp tìm thấy dấu vết của tội phạm (vật chứng) ở người hoặc tại chỗ ở của một người nào đó, nếu dựa vào dấu vết đó có thể khẳng định đây là người đang thực hiện tội phạm thì có thể tiến hành bắt người đó trong trường hợp phạm tội quả tang mà không áp dụng giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

*Thứ hai, xét thấy cần ngăn chặn người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.*

Việc tìm thấy dấu vết tội phạm cũng đồng nghĩa với việc đã có tài liệu để xác định người phạm tội. Điều đó sẽ khiến cho người thực hiện tội phạm có tâm lý lo lắng về trách nhiệm mà mình sẽ phải chịu. Do đó, họ sẽ tìm cách chạy trốn hoặc có hành vi che giấu tội phạm, gây khó khăn cho việc điều tra. Nếu xét thấy không bắt ngay người đó, họ sẽ trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ thì người có thẩm quyền phải ra lệnh giữ khẩn cấp. Căn cứ để cho rằng người đó sẽ trốn là đang chạy trốn, đang chuẩn bị trốn, người đó không có nơi cư trú rõ ràng, có nơi cư trú nhưng lại ở quá xa hay người khó xác định về nhân thân... Trường hợp không có căn cứ cho rằng người đó sẽ trốn nhưng lại có căn cứ xác định người đó sẽ tiêu hủy chứng cứ thì cũng cần phải áp dụng giữ khẩn cấp. Việc tiêu hủy chứng cứ có thể được thể hiện qua các hành vi như đang xóa dấu vết, tẩy xóa công cụ, phương tiện phạm tội, tài sản do phạm tội mà có, làm giả các chứng cứ, tiêu hủy chứng cứ... Ví dụ: tìm thấy cái áo có dính máu của kẻ bị nghi phạm tội giết người khi người này đang trên đường mang đi để giặt, tẩy hoặc vứt xuống bờ sông, suối để phi tang... Việc quyết định áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người này là đúng đắn.

## **2.2. Yêu cầu đối với việc áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp**

Theo tác giả Võ Khánh Vinh (2011), “Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân là một trong những giá trị cao nhất trong xã hội cần phải được bảo vệ trước hết và với mức độ cao nhất trong tất cả các lĩnh vực của đời sống nhà nước và đời sống xã hội, trong đó có cả lĩnh vực tư pháp hình sự”. Chính vì vậy, biện pháp ngăn chặn bắt người nói chung và biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp nói riêng được quy định rất chặt chẽ trong Bộ luật Tố tụng hình sự, là cơ sở cho hoạt động bắt người trên thực tiễn, tránh vận dụng biện pháp bắt người một cách tùy tiện, dẫn đến bắt oan người vô tội, bắt không đúng thủ tục, bắt trái thẩm quyền.

### **2.2.1. Yêu cầu về chính trị**

Bắt người luôn là vấn đề nhạy cảm trong đời sống chính trị - xã hội, bắt người đúng hay không đúng quy định của pháp luật, bắt oan sai có ảnh hưởng trực tiếp đến những quyền cơ bản của công dân, liên quan đến đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Hiện nay, có rất nhiều những thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước đang tìm mọi cách để chống phá Nhà nước ta.

Hoạt động bắt người phải đảm bảo tốt cho nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước và của địa phương trong từng thời kỳ, từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và việc áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt người trong đó có biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự đều nhằm mục đích bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Xuất phát từ yêu cầu này, Đảng, Nhà nước đã có các hướng dẫn, chỉ đạo những hoạt động bắt người liên quan đến các đối tượng có ảnh hưởng lớn đến đời sống chính trị, kinh tế và xã hội. Khi tiến hành áp dụng biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với những đối tượng này thường tạo ra những luồng dư luận, ảnh hưởng đến những vấn đề nhạy cảm về chính trị, kinh tế dễ bị những thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, tuyên truyền nhằm làm giảm uy tín của Đảng và Nhà nước.

### **2.2.2. Yêu cầu về pháp luật**

Điều 10, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang.”

Như vậy, để đảm bảo bắt đúng đối tượng, biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Đây là cơ sở cho hoạt động bắt trên thực tiễn, tránh vận dụng biện pháp bắt một cách tùy tiện, dẫn đến bắt oan người vô tội, bắt không đúng thủ tục, bắt trái thẩm quyền.

Trong quá trình tiến hành cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần có tài liệu, chứng cứ cần thiết chứng minh rằng họ là đối tượng bị áp dụng biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo đúng những căn cứ pháp luật (như đã phân tích ở trên). Nếu áp dụng không đúng sẽ gây tác hại nhiều mặt như xâm phạm quyền con người và quyền tự do thân thể của công dân, làm giảm uy tín của nhà nước và các cơ quan bảo vệ pháp luật, gây hoang mang trong dư luận, dễ bị các thế lực phản động, thù địch trong và ngoài nước xuyên tạc để chống lại nhà nước.

Về bản chất, biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp là một biện pháp ngăn chặn, là một biện pháp cưỡng chế, tác động trực tiếp đến quyền tự do thân thể của công dân tuy nhiên lại không nhằm xâm phạm đến thân thể họ như là sự trừng phạt hành vi họ đã thực hiện mà chỉ nhằm mục đích ngăn chặn tội phạm diễn ra và hạn chế sự nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, cơ quan tiến hành tố tụng không được xâm phạm tới danh dự, nhân phẩm của người bị bắt. Không được dựa vào các tài liệu chưa được kiểm tra, xác minh hay dựa trên ý chí chủ quan làm căn cứ để thực hiện hoạt động bắt dẫn đến tình trạng oan, sai, bỏ lọt tội phạm gây hậu quả nghiêm trọng về nhiều mặt. Để làm được điều đó cơ quan, người tiến hành tố tụng cần nắm vững các quy định của pháp luật về biện pháp ngăn chặn bắt người và áp dụng chúng một cách chính xác, triệt để và đúng pháp luật.

### 2.2.3. Yêu cầu về nghiệp vụ

Trong hoạt động bắt người và áp dụng biện pháp giữ khẩn cấp, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải có trình độ nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, có như vậy khi thực hiện việc bắt người mới không vấp phải những khó khăn vướng mắc. Yêu cầu đối với hoạt động bắt phải đảm bảo tính bất ngờ, khách quan và chính xác.

Bí mật, bất ngờ là yếu tố quan trọng bảo đảm cho việc giữ người khẩn cấp được tiến hành một cách hiệu quả nhất, khi tiến hành hoạt động giữ người khẩn cấp cần không để đối tượng biết, bỏ trốn, hoặc gây cản trở cho cuộc bắt, hoặc tiêu huỷ chứng cứ. Yếu tố bất ngờ được biểu hiện trong kế hoạch như: bí mật về thời gian, địa điểm sẽ tiến hành bắt đối tượng, bí mật về sự chuẩn bị lực lượng bắt... Bí mật là yếu tố cần thiết cho sự thành công của hoạt động bắt người, làm sao để đối tượng chỉ biết là chúng bị giữ khi lực lượng tiến hành xuất hiện và triển khai lệnh giữ. Muốn đạt được yêu cầu như vậy, đòi hỏi công tác chuẩn bị cho việc giữ cần phải tỉ mỉ, cẩn trọng và chu đáo. Trước khi giữ người cần phải nghiên cứu kỹ hồ sơ, nhân thân của đối tượng và những tài liệu xác minh ban đầu, phải lập kế hoạch của việc bắt người chi tiết về thời gian, địa điểm, thành phần tham gia, công cụ phương tiện hỗ trợ...đặc biệt cần tính toán các phương án có thể xảy ra để chủ động, linh hoạt trong quá trình tiến hành.

### 3. Kết luận

Giữ người trong trường hợp khẩn cấp là một chế định không thể thiếu trong biện pháp ngăn chặn của pháp luật tố tụng hình sự. Với đặc điểm là tính khẩn cấp, do vậy, việc áp dụng biện pháp này đã phát huy được tác dụng rất lớn trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Nó giúp cho công tác này đáp ứng được tính kịp thời và hiệu quả được nâng cao hơn. Tuy nhiên, để không bỏ lọt tội phạm tội phạm, không làm oan người vô tội và đảm bảo được các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, thì khi ra quyết định giữ người trong trường hợp khẩn cấp cũng như lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp những người có thẩm quyền cần phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

#### Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Nguyên (1995). *Các biện pháp ngăn chặn và những vấn đề nêu cao hiệu quả của chúng*. NXB Công an nhân dân.
- Phạm Ngọc Long (2020). *Biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp và thực tiễn thi hành ở thành phố Hà Nội*. Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
- Phạm Thanh Bình & Nguyễn Văn Nguyên (1993). *Những điều cần biết về bắt người, tạm giữ, tạm giam đúng pháp luật*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Văn phòng Quốc hội (2015). *Văn bản hợp nhất Bộ luật Tố tụng hình sự số 104/VBHN-VPQH*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Van-ban-hop-nhat-104-VBHN-VPQH-2025-Bo-luat-To-tung-hinh-su-672384.aspx>.
- Văn phòng Quốc hội (2025). *Văn bản hợp nhất Bộ luật Hình sự số 135/VBHN-VPQH*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Van-ban-hop-nhat-135-VBHN-VPQH-2025-Bo-luat-Hinh-su-672275.aspx>.
- Võ Khánh Vinh (2011). *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*. NXB Tư pháp.